

Số: 1170/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 29 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án, chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng II lên hạng I, từ hạng III
lên hạng II đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập
trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Trị An năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày
25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề
nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong cơ sở giáo dục mầm non
công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và
bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề
nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học cơ
sở công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 4 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số
01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT
ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số,
tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong
các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;*



Căn cứ Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trị An tại Tờ trình số 62/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2026; Văn bản số 978/SNV-CCVC ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Sở Nội vụ và Tờ trình số 2238/TTr-SGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án, chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng II lên hạng I, từ hạng III lên hạng II đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân phường Trị An năm 2026 (kèm theo Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trị An), như sau:

1. Đối với giáo viên không giữ chức vụ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục
 - a) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng II lên hạng I: 35 chỉ tiêu, cụ thể:
 - Cấp mầm non: 09 chỉ tiêu.
 - + Trường Mầm non Sơn Ca: 04 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $04/43 = 9,30\%$).
 - + Trường Mầm non Trị An: 01 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $01/19 = 5,26\%$).
 - + Trường Mầm non Phong Lan: 03 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $03/38 = 7,89\%$).
 - + Trường Mầm non Mã Đà: 01 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $01/33 = 3,03\%$).
 - Cấp tiểu học: 10 chỉ tiêu.
 - + Trường Tiểu học Cây Gáo B: 02 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $02/31 = 6,45\%$).
 - + Trường Tiểu học Cây Gáo A: 05 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $05/53 = 9,43\%$).
 - + Trường Tiểu học Kim Đồng: 02 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $02/33 = 6,06\%$).
 - + Trường Tiểu học Hiếu Liêm: 01 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $01/17 = 5,88\%$).
 - Cấp trung học cơ sở: 16 chỉ tiêu.

+ Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Trị An: 01 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $01/35 = 2,86\%$).

+ Trường Trung học cơ sở Vĩnh An: 03 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $03/43 = 6,98\%$).

+ Trường Trung học cơ sở Lê Quý Đôn: 05 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $05/57 = 8,77\%$).

+ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mã Đà: 07 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $07/70 = 10\%$).

b) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng III lên hạng II: 28 chỉ tiêu, cụ thể:

- Cấp mầm non: 10 chỉ tiêu.

+ Trường Mầm non Trị An: 03 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $10/19 = 52,63\%$. Do tỷ lệ hạng I chưa sử dụng hết so với tỷ lệ quy định, thiếu 4,74%, đơn vị đã cộng dồn tỷ lệ này vào tỷ lệ hạng II theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND. Tổng tỷ lệ cơ cấu hạng I và hạng II sau khi thăng hạng là 57,89% đáp ứng đúng quy định).

+ Trường Mầm non Hiếu Liêm: 03 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $12/20 = 60\%$. Do tỷ lệ hạng I chưa sử dụng hết so với tỷ lệ quy định, thiếu 10%, đơn vị đã cộng dồn tỷ lệ này vào tỷ lệ hạng II theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND. Tổng tỷ lệ cơ cấu hạng I và hạng II sau khi thăng hạng là 60% đáp ứng đúng quy định).

+ Trường Mầm non Mã Đà: 04 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $17/33 = 51,52\%$. Do tỷ lệ hạng I chưa sử dụng hết so với tỷ lệ quy định, thiếu 6,97%, đơn vị đã cộng dồn tỷ lệ này vào tỷ lệ hạng II theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND. Tổng tỷ lệ cơ cấu hạng I và hạng II sau khi thăng hạng là 54,55% đáp ứng đúng quy định).

- Cấp tiểu học: 02 chỉ tiêu.

+ Trường Tiểu học Cây Gáo B: 01 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $16/31 = 51,61\%$. Do tỷ lệ hạng I chưa sử dụng hết so với tỷ lệ quy định, thiếu 3,55%, đơn vị đã cộng dồn tỷ lệ này vào tỷ lệ hạng II theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND. Tổng tỷ lệ cơ cấu hạng I và hạng II sau khi thăng hạng là 58,06% đáp ứng đúng quy định).

+ Trường Tiểu học Kim Đồng: 01 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $17/33 = 51,52\%$. Do tỷ lệ hạng I chưa sử dụng hết so với tỷ lệ quy định, thiếu 3,94%, đơn vị đã cộng dồn tỷ lệ này vào tỷ lệ hạng II theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND. Tổng tỷ lệ cơ cấu hạng I và hạng II sau khi thăng hạng là 57,58% đáp ứng đúng quy định).

- Cấp trung học cơ sở: 16 chỉ tiêu.

+ Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Trị An: 03 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $20/35 = 57,14\%$. Do tỷ lệ hạng I chưa sử dụng hết so với tỷ lệ



quy định, thiếu 7,14%, đơn vị đã cộng dồn tỷ lệ này vào tỷ lệ hạng II theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 10 Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND. Tổng tỷ lệ cơ cấu hạng I và hạng II sau khi thăng hạng là 60% đáp ứng đúng quy định).

+ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mã Đà: 13 chỉ tiêu (tổng cơ cấu sau thăng hạng chiếm $35/70 = 50\%$).

2. Đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục: Thực hiện xét thăng hạng đối với cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đủ điều kiện theo quy định, không giới hạn số lượng.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Ủy ban nhân dân phường Trị An có trách nhiệm triển khai thực hiện Đề án đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026; báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kết quả xét thăng hạng của Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân phường Trị An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT. UBND thành phố;
- Chánh, PCVP. UBND thành phố (KGVX);
- Lưu: VT, KGVX (Tannd).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Sơn

ĐỀ ÁN

**Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng II lên hạng I,
từ hạng III lên hạng II đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập
trực thuộc UBND phường Trị An năm 2026**

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ THỰC TRẠNG

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên là một chủ trương đúng đắn, cần thiết và có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp giáo dục hiện nay.

- Trong bối cảnh ngành giáo dục đang đổi mới mạnh mẽ về chương trình, phương pháp giảng dạy và đánh giá học sinh, giáo viên không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn phải phát triển năng lực, phẩm chất cho người học. Việc xét thăng hạng giúp chuẩn hóa và nâng cao đội ngũ giáo viên, đảm bảo giáo viên có đủ trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu mới của ngành giáo dục.

- Xây dựng và phát triển đội ngũ viên chức đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu theo chức danh nghề nghiệp, đảm bảo đồng đều về chất lượng là nhiệm vụ hết sức quan trọng, có tính bước ngoặt trong việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

- Việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ở các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc trên địa bàn toàn phường, nhằm đánh giá, lựa chọn được đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn của chức danh theo từng hạng, qua đó phát huy phẩm chất, năng lực của từng giáo viên, đồng thời đảm bảo kịp thời về chế độ, chính sách cho giáo viên, động viên, khuyến khích giáo viên không ngừng tự học tập, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, khắc phục dần sự chưa hợp lý về cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

- Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên là yêu cầu tất yếu trong phát triển và đổi mới giáo dục. Đây không chỉ là cơ hội để giáo viên khẳng định năng lực, nâng cao vị thế nghề nghiệp mà còn là giải pháp quan trọng nhằm xây dựng đội ngũ giáo viên chất lượng, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn mới.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;
- Luật Nhà giáo ngày 16 tháng 6 năm 2025;
- Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo ;
- Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức kể từ ngày 01/5/2025*);
- Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;
- Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục tiểu học công lập.
- Thông tư 03/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục Trung học cơ sở công lập.
- Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục Trung học phổ thông công lập.
- Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;
- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.
- Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Nội quy và Quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức (gọi tắt là Thông tư 001/2025/TT-BNV);

- Công văn số 7723/BGDĐT-NGCBQL ngày 25/11/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; Công văn số 8268/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 15/12/2025 của Bộ giáo dục và Đào tạo về việc tiếp tục rà soát, thực hiện việc bổ nhiệm, thăng hạng, chức danh nghề nghiệp giáo viên;

- Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (nay là Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai) quy định nội dung, mức chi tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức; thi (xét) nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai)

- Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 5585/UBND-KGVX ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc hướng dẫn tạm thời về quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người quản lý doanh nghiệp khi thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

- Văn bản số 12318/UBND-KGVX ngày 19/12/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 2295/SGDĐT-TCCB ngày 03/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai về việc xây dựng đề án, chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên của các cơ sở giáo dục công lập thuộc địa phương.

- Căn cứ Văn bản số 3847/SNV-CCVC ngày 16/4/2026 của Sở Nội vụ thành phố Đồng Nai về việc xác định tiêu chí ưu tiên thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp;

- Văn bản số 599/SGDĐT-TCCB ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Sở Giáo dục - Đào tạo thành phố Đồng Nai về việc ý kiến đề án, chỉ tiêu xét thăng hạng UBND phường Trị An;

- Văn bản số 978/SNV-CCVC ngày 22/5/2026 của Sở Nội vụ thành phố Đồng Nai về việc ý kiến đề án thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

- Văn bản số 275-CV/ĐU ngày 11/6/2026 của Đảng ủy UBND phường về việc cho ý kiến xác định thứ tự ưu tiên thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đối với viên chức ngành Giáo dục – Đào tạo;

III. THỰC TRẠNG SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

1. Khái quát trường, lớp

Ủy ban nhân dân phường Trị An trực tiếp quản lý 14 đơn vị giáo dục công lập, với tổng biên chế được giao là 549 biên chế, tổng số viên chức hiện có 518 người trong đó có 05 trường Mầm non, 04 trường Tiểu học, 04 Trường THCS; 02 Trường TH-THCS. Tới thời điểm hiện tại 14/14 trường đã được phê duyệt đề án vị trí việc làm.

2. Số lượng, cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có

- Chức danh nghề nghiệp hạng I: 0 người (tỷ lệ 0 %);

- Chức danh nghề nghiệp hạng II: 281/481 người (tỷ lệ 58,42 %);
- Chức danh nghề nghiệp hạng III: 163/481 người (tỷ lệ 33,89%);

3. Số lượng, chỉ tiêu đề nghị thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên

- Chức danh nghề nghiệp hạng I: 56/481 người (tỷ lệ 11,64 %);
- Chức danh nghề nghiệp hạng II: 36/481 người (tỷ lệ 7,48%);
- Chức danh nghề nghiệp hạng III: 0/0 người (tỷ lệ 0%)

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

PHẦN II

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. ĐỐI TƯỢNG, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Đối tượng

Viên chức giảng dạy chương trình giáo dục mầm non, phổ thông, bao gồm: Cán bộ quản lý, giáo viên (sau đây gọi chung là giáo viên) trong các trường mầm non, tiểu học và THCS (sau đây gọi chung là các đơn vị trực thuộc UBND) đã được bổ nhiệm vào hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông, đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập có nhu cầu dự xét thăng hạng lên các chức danh nghề nghiệp sau:

- *Chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non: hạng I (mã số V.07.02.24); hạng II (mã số V.07.02.25).*
- *Chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học: hạng I (mã số V.07.03.27); hạng II (mã số V.07.03.28).*
- *Chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở: hạng I (mã số V.07.04.30); hạng II (mã số V.07.04.31).*

2. Mục đích

- Chuẩn hóa chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu phân công, bố trí theo Đề án vị trí việc làm của các cơ sở giáo dục phổ thông công lập đã phê duyệt.

- Lựa chọn được đội ngũ viên chức đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định, góp phần vào việc xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, viên chức làm việc ở các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn phường.

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức giáo dục có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, nhằm thúc đẩy tinh thần lao động sáng tạo, tạo động lực cho sự học tập, rèn luyện để nâng cao chất lượng đội ngũ.

- Động viên, khuyến khích đội ngũ giáo viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

3. Yêu cầu

- Đảm bảo nguyên tắc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng phải có đủ hồ sơ và minh chứng theo quy định. Đối với các tiêu chuẩn, tiêu chí không có minh chứng là các văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận, quyết định, bằng khen, giấy khen, đề tài, đề án hoặc các sản phẩm được ứng dụng trong giáo dục, giảng dạy học sinh và tài liệu có liên quan thì minh chứng là biên bản đánh giá, nhận xét về khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn đó của tổ chuyên môn, tổ bộ môn hoặc tương đương và có xác nhận của người đứng đầu cơ sở giáo dục trực tiếp quản lý, sử dụng giáo viên. Đối với tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng, minh chứng là bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

4. Nguyên tắc

- Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng các quy định của pháp luật.

II. TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Thực hiện theo các quy định:

- Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thông tư số 02/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 03/2021/TT-BGDĐT, Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông công lập; Thông tư số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập.

- Thông tư số 13/2024/TT-BGDĐT ngày 30/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập và giáo viên dự bị đại học.

- Quyết định số 79/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về Quyết định ban hành Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Nội dung: Đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện ở từng hạng dự xét của viên chức giáo viên.

- Hình thức: Thẩm định hồ sơ

III. CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Về dự kiến chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Trên cơ sở dự kiến danh sách đăng ký của các cơ quan, đơn vị; vị trí việc làm và các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng theo quy định, tổng số chỉ tiêu dự kiến thăng hạng chức danh nghề nghiệp là 48 chỉ tiêu, trong đó gồm các chức danh nghề nghiệp như sau:

- Dự kiến thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông từ hạng IV lên hạng III: 0 chỉ tiêu.

- Dự kiến thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông từ hạng III lên hạng II: 36 chỉ tiêu.

- Dự kiến thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên phổ thông từ hạng II lên hạng I: 56 chỉ tiêu.

(Có phụ lục chi tiết từng đơn vị kèm theo)

2. Dự kiến danh sách viên chức giáo viên đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

- Dự kiến danh sách viên chức giáo viên đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II: 36 người *(Có bản thống kê danh sách giáo viên kèm theo phụ lục II).*

- Dự kiến danh sách viên chức giáo viên đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng II lên hạng I: 56 người *(Có bản thống kê danh sách giáo viên kèm theo phụ lục II).*

IV. DỰ KIẾN HỘI ĐỒNG XÉT, BAN GIÁM SÁT VÀ CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2026 (theo quy định tại Điều 38, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức) gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch UBND phường;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: 01 Chuyên viên Phòng Văn hóa – Xã hội;
- Ủy viên: Đại diện lãnh đạo các Trường học công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân phường.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên năm 2026 được sử dụng con dấu của UBND phường Trị An.

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết.

Hội đồng xét thăng hạng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ); Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người dự xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Ban Giám sát

Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng số lượng gồm 03 người là cán bộ, công chức thuộc UBND phường:

Trưởng ban: Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND phường;

Thành viên kiêm thư ký: Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND phường;

Thành viên: Chuyên viên Văn phòng HĐND và UBND phường

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Giám sát thực hiện theo Điều 26, Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

3. Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

Ban Thẩm định hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (*sau đây viết tắt là Ban Thẩm định hồ sơ*) do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng thành lập, gồm: Trưởng ban và các thành viên, trong đó có một thành viên kiêm Thư ký là cán bộ, công chức thuộc các cơ quan, đơn vị:

- Trưởng ban Thẩm định hồ sơ: Lãnh đạo Phòng Văn hóa – Xã hội.;

- Thư ký ban: Chuyên viên Phòng Văn hóa – Xã hội;

- Thành viên thẩm định hồ sơ: Gồm 20 người (chia thành 10 cặp để xét hồ

sơ) là lãnh đạo, hiệu trưởng các đơn vị trực thuộc UBND.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thẩm định hồ sơ thực hiện theo Điều 24 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Tổ giúp việc Hội đồng xét thăng hạng

Tổ giúp việc Hội đồng xét thăng hạng (*gọi tắt là Tổ giúp việc*) do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng thành lập, gồm: Tổ trưởng và các thành viên là công chức thuộc Phòng Văn hóa – Xã hội, Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị và Văn phòng HĐND và UBND phường.

Nhiệm vụ của Tổ giúp việc: Giúp việc Hội đồng xét thăng hạng từ khâu chuẩn bị đến các khâu khác cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ xét thăng hạng theo quy định.

V. DỰ KIẾN THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Thời gian xét thăng hạng

- Ban hành Đề án, thông báo thu hồ sơ, thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: dự kiến xong trước ngày 30/7/2026.
- Thu nhận hồ sơ: dự kiến xong trước ngày 15/8/2026.
- Thẩm định hồ sơ: dự kiến xong trước ngày 30/8/2026.
- Họp xét phê duyệt kết quả thăng hạng: dự kiến xong trước ngày 20/9/2026.
- Hoàn thiện ban hành Quyết định thăng hạng chức danh nghề nghiệp: dự kiến xong trước ngày 25/10/2026.

2. Địa điểm xét thăng hạng: Trụ sở UBND phường Trị An – Khu phố Vĩnh An 2, phường Trị An, thành phố Đồng Nai.

VI. XÁC ĐỊNH VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN TRONG KỲ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- Viên chức là nữ;
- Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

VII. THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

VIII. BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC TRÚNG TUYỂN KỶ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

Trường hợp viên chức đã trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng nhưng sau đó bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị kỷ luật hoặc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì chưa ra quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp trúng tuyển. Khi hết thời hạn xử lý kỷ luật mà không bị kỷ luật hoặc hết thời gian thi hành quyết định kỷ luật hoặc sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì căn cứ vào cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được phê duyệt tại thời điểm xem xét, quyết định bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Thời điểm hưởng lương mới, thời gian xét nâng bậc lương lần sau, việc kéo dài thời gian nâng bậc lương (nếu có) thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Việc xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới bổ nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật.

IX. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Căn cứ Điều 27 Quy chế ban hành kèm theo Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được

thực hiện như sau:

1. Trường hợp đơn thư phản ánh, kiến nghị, tố cáo về Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, giải quyết.

Trường hợp người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức là Chủ tịch Hội đồng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức xem xét, giải quyết.

2. Trường hợp đơn thư phản ánh, kiến nghị, tố cáo về các bộ phận giúp việc của Hội đồng hoặc về kết quả kỳ xét thì Hội đồng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Trường hợp có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi Hội đồng đã giải thể thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

X. LƯU TRỮ TÀI LIỆU

1. Hồ sơ, tài liệu về kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức bao gồm: Các văn bản về tổ chức thực hiện; biên bản các cuộc họp Hội đồng, cuộc họp của các bộ phận giúp việc Hội đồng; danh sách tổng hợp người đủ điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; các biên bản bàn giao trong toàn bộ quá trình tổ chức thực hiện; bản gốc phiếu thẩm định hồ sơ; bảng tổng hợp kết quả xét; biên bản lập về các vi phạm quy chế, nội quy (nếu có); quyết định công nhận kết quả xét; quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) và các loại biên bản, văn bản, tài liệu khác liên quan đến kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu cho lưu trữ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức để tổ chức lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Phần III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Tham mưu trình Chủ tịch UBND phường thành lập Hội đồng xét thăng hạng và Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng; trình Hội đồng xét thăng hạng các ban, bộ phận giúp việc cho Hội đồng xét thăng hạng theo Đề án và quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và cá nhân có liên quan giúp UBND phường tổ chức triển khai kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giáo viên từ hạng III lên hạng II, từ hạng II lên hạng I theo quy định.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết và dự trù kinh phí phục vụ kỳ xét, thực hiện những nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng phân công.
- Tổ chức lưu trữ tài liệu, hồ sơ của kỳ xét thăng hạng theo quy định.

2. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị

Căn cứ Đề án này và Kế hoạch xét thăng hạng, tiến hành thẩm định dự toán kinh phí tổ chức kỳ xét thăng hạng, trình UBND phường kịp thời quyết định cấp đủ kinh phí để tổ chức kỳ xét thăng hạng theo quy định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc UBND phường

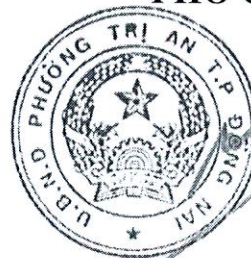
- Thực hiện các nội dung theo Đề án.
- Cử công chức, viên chức tham gia các ban, bộ phận giúp việc Hội đồng xét thăng hạng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng xét thăng hạng phân công.
- Phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng xét thăng hạng phân công và quy định của pháp luật; Căn cứ số lượng người làm việc được giao năm 2026, đề án vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp từng hạng còn thiếu so với vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lập danh sách và hồ sơ viên chức thuộc đơn vị quản lý có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng nộp về UBND phường Trị An (qua Phòng Văn hóa - Xã hội).

Trên đây là Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông từ hạng II lên hạng I, từ hạng III lên hạng II đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trực thuộc UBND phường Trị An năm 2026, kính đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai xem xét, phê duyệt./.

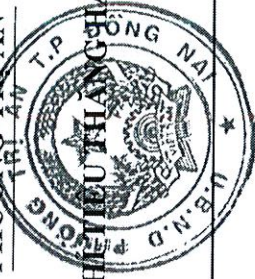
Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Sở GD&ĐT;
- CT, các PCT UBND phường;
- Phòng Văn hóa – Xã hội;
- C, PCVP HĐND và UBND;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Mạnh



PHỤ LỤC

CHI TIẾT THANG CHẤNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC GIÁO DỤC KHÔNG GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
(Kèm theo Đề án số: 05/ĐA-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của UBND phường Trị An)

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị	Biên chế (không báo gồm vị trí LĐ, QL)		Thực trạng												Số lượng chỉ tiêu thăng hạng			
				Giao		Có mặt		Hạng I			Hạng II			Hạng III					Hạng IV
		Số lượng	Tỷ lệ					Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Trường MN Sơn Ca	43	43	0	0,00	26	60,47	15	34,88	2	4,65	4	0	0	0	0	0	0	0
2	Trường MN Trị An	19	19	0	0,00	7	36,84	10	52,63	2	10,53	1	3	0	0	0	0	0	0
3	Trường Mầm Non Phong Lan	38	38	0	0,00	32	84,21	6	15,79	0	0,00	3	0	0	0	0	0	0	0
4	Trường MN Hiếu Liêm	20	20	0	0,00	9	45,00	10	50,00	1	5,00	0	3	0	0	0	0	0	0
5	Trường MN Mã Đà	33	30	0	0,00	13	39,39	12	36,36	5	15,15	1	4	0	0	0	0	0	0
6	Trường TH Cây Gáo B	31	31	0	0,00	15	48,39	16	51,61	0	0,00	2	1	0	0	0	0	0	0
7	Trường TH Cây Gáo A	53	52	0	0,00	37	69,81	15	28,30	0	0,00	5	0	0	0	0	0	0	0
8	Trường TH Kim Đồng	33	33	0	0,00	16	48,48	16	48,48	1	3,03	2	1	0	0	0	0	0	0

9	Trường TH Hiếu Liêm	17	16	0	0,00	11	64,71	4	23,53	1	5,88	1	0	0
10	Trường TH-THCS Trí An	35	32	0	0,00	17	48,57	15	42,86	0	0,00	1	3	0
11	Trường THCS Hiếu Liêm	19	17	0	0,00	16	84,21	1	5,26	0	0,00	0	0	0
12	Trường THCS Vĩnh An	43	43	0	0,00	27	62,79	10	23,26	6	13,95	3	0	0
13	Trường THCS Lê Quý Đôn	57	57	0	0,00	52	91,23	3	5,26	2	3,51	5	0	0
14	Trường TH&THCS Mã Đà	70	50	0	0,00	22	31,43	28	40,00	0	0,00	7	13	0
		511	481	0	0,00	299	58,51	161	31,51	20	3,91	35	28	0